TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 65/2018/DS-PT
Ngày 22/05/2018
V/v *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn, ông Nguyễn Thanh Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 107/2018/TLPT-DS ngày 12/3/2018 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 107/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vụ án có các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Chị H ủy quyền cho Luật sư Nguyễn Xuân B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, theo văn bản ủy quyền lập ngày 14/5/2018 tại Văn phòng Công chứng L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam); Luật sư B có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Tùng T, sinh năm 1954;

2.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T là Luật sư Phạm Xuân L - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam (theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2017); Luật sư L có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn M (Chủ tịch); đại diện theo ủy quyền là ông Trương Văn T (Phó Chủ tịch UBND huyện N) có *Đơn xin xét xử vắng mặt* đề ngày 15/5/2018.

3.2. Anh Trần Thanh T1, sinh năm 1985, vắng mặt. Anh T1 ủy quyền cho Luật sư Nguyễn Xuân B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, văn bản ủy quyền lập ngày 14/5/2018 tại Văn phòng Công chứng L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam); Luật sư B có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng: (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2016 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị là chủ sử dụng diện tích 251,2m^2 đất, tại thửa số 10, tờ bản đồ số 7D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*** số BN 521899, do UBND huyện N cấp ngày 28/3/2014. Trước đây thửa đất này là của bà ngoại của Chị, sau khi bà ngoại của Chị chết thửa đất này được chia thừa kế tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2009/DSST ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện N, Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2009/DSPT ngày 30/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cho mẹ của Chị là bà Trần Thị L và dì ruột của Chị là bà Trần Thị P. Sau khi nhận thừa kế bà P lập Hợp đồng tặng cho ngày 22/10/2012 tại Văn phòng công chứng huyện N chuyển toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng nhà đất cho mẹ của Chị là bà L. Sau đó mẹ Chị lập Hợp đồng tặng cho ngày 22/11/2012 tại Văn phòng công chứng huyện N, chuyển toàn bộ quyên sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Chị.

Do kinh tế khó khăn nên Chị chưa xây dựng ngay nhà tại thửa đất trên. Đầu năm 2015, khi dọn dẹp chuẩn bị làm nhà thì Chị tự đo đạc phát hiện diện tích đất của Chị nhỏ hơn diện tích đất ghi trong ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*** số BN 521899 mà Chị được UBND huyện N cấp ngày 28/3/2014. Ngày 01/10/2015 Chị đã làm đơn đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, UBND thị trấn N đo đạc cắm mốc xác định ranh giới thửa đất đúng theo kích thước ghi trong ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*** số BN 521899 đã cấp cho Chị, nhưng đến nay các cơ quan Nhà nước chưa giải quyết. Theo kết quả đo đạc, thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thì gia đình vợ chồng bà Trần Thị T, ông Phan Tùng T lấn chiếm qua đất của Chị diện tích 16,67m^2; do đó, Chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông T trả lại diện tích 16,67m^2 đất lấn chiếm, yêu cầu Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BT 726683 do UBND huyện N cấp cho bà Trần Thị T ngày 09/9/2014.

- *Bị đơn là vợ chồng ông Phan Tùng T, bà Trần Thị T do người đại diện theo ủy quyền là Luật sư Phạm Xuân Linh trình bày:* Mẹ bà T là cụ Bùi Thị C có 4 người con là bà Trần Thị P, Trần Thị X, Trần Thị T và Trần Thị L; cụ C tạo lập được nhà trên diện tích hơn 700m^2 đất. Năm 2003, cụ C cho bà T một phần thửa đất của cụ C để làm nhà ở; diện tích đất cụ C cho bà T làm nhà năm 2003 có tứ cận rõ ràng (có tường rào xây kiên cố hoặc móng tường rào xây kiên cố và vật kiến trúc trên đất) đến nay không có gì thay đổi; đến khi cụ C chết (năm 2007) không có tranh chấp. Năm 2009, chị của Bà là bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của cụ C để lại. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự trong vụ án đều thống nhất di sản thừa kế của cụ C để lại là nhà đất, trừ diện tích đất cụ C đã cho bà T làm nhà năm 2003; do đó, bà T đã không yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C để lại. Năm 2010, bão số 9 làm sập nhà dưới, vợ chồng bà T sửa chữa lại nhà nhà dưới và công trình vệ sinh, trong khi sửa nhà vợ chồng bà T đã mời bà P xuống hiện trường để kiểm tra lại ranh giới, khi xây dựng đều làm trên móng nhà cũ mà không nới rộng qua các lô đất liền kề, việc này những người thợ đào móng, sửa nhà đều biết và bà P còn đứng canh chừng cho thợ xây; vợ chồng Chị H (nguyên đơn hiện nay) biết, nhưng không có ý kiến phản đối. Vì vậy, nay Chị H khởi kiện cho rằng vợ chồng Bà lấn chiếm đất, yêu cầu vợ chồng Bà trả đất thì Bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày: Năm 2009, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản đối với di sản là quyền sử dụng đất của cụ Bùi Thị C và ngày 24/9/2009 Tòa án nhân dân huyện N ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2009/DSST; ngày 30/12/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành bản án dân sự phúc thẩm số 81/2009/DSPT. Sau đó, bà T có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện N căn cứ Đơn của bà T, căn cứ quyết định của Bản án phúc thẩm nêu trên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Thanh T1 (chồng chị Nguyễn Thị Thanh H - nguyên đơn trong vụ án) trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng Anh được mẹ vợ là bà Trần Thị L cho 251,2m^2 tại thửa số 10, tờ bản đồ số 7D, khối 1, thị trấn N; diện tích đất này trước đây bà L nhận tặng cho từ bà Trần Thị P. Do chưa đủ tiền nên vợ chồng Anh không làm nhà ngay mà đến giữa năm 2015 mới xây dựng nhà; nhưng khi đo đạc thì thấy diện tích đất thực tế nhỏ hơn diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Anh, Nhà nước cấp căn cứ vào sơ đồ chia thừa kế đất tại Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2009/DSPT ngày 30/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nên không thể không đúng; theo Anh diện tích đất của vợ chồng Anh thiếu là do vợ chồng bà T, ông T lấn chiếm.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 26/01/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định: *Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; khoản*

1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100; Điều 166; điểm i khoản 1 Điều 169; khoản 1; khoản 2 Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc: Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Trần Thị T và ông Phan Tùng T trả lại toàn bộ diện tích đất 16,67m^2 tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 7D, loại đất ở tại khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam mà vợ chồng bà T, ông T đã lấn chiếm của bà với giá trị là 7.000.000 đồng/m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 726683 do UBND huyện N cấp cho bà Trần Thị T ngày 09/9/2014.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 9.302.000 đồng (Chín triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng y), bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu; bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng y), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0001097 ngày 26/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Quảng Nam và biên lai thu số 0000083 ngày 04/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm ngàn đồng y).

- Cùng ngày 02/02/2018, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thanh T1 có Đơn kháng cáo, *"kháng án toàn bộ bản án"* sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1}. Cụ Bùi Thị C có 4 người con gồm bà Trần Thị P, bà Trần Thị X, bà Trần Thị T (bị đơn) và bà Trần Thị L (mẹ của chị Nguyễn Thị Thanh H-nguyên đơn). Lúc sinh thời cụ C tạo lập được nhà trên diện tích hơn 700m^2 đất; năm 2003, cụ C đã cho bà T một phần thửa đất của Cụ và vợ chồng bà T đã bỏ móng xây dựng nhà. Bà Trần Thị X, bà Trần Thị P, ông Trần L (thợ xây) và ông Trần

Tấn H (hàng xóm ở sát nhà bà T) đều xác nhận năm 2010, bão số 9 làm sập nhà của vợ chồng bà T, ông T xây dựng năm 2003 nên bà T, ông T dỡ nhà cũ, xây nhà mới trên móng của nhà cũ; khi vợ chồng bà T xây nhà thì lúc này bà P (vẫn là chủ sử dụng của diện tích đất hiện nay vợ chồng Chị H sử dụng, đến năm 2012 bà P mới tặng cho diện tích đất này cho bà L là mẹ của Chị H) có đến giám sát *"canh chừng"* cho thợ xây.

{2}. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 81/2009/DSPT ngày 30/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về chia thừa kế di sản của cụ Bùi Thị C về đất và tài sản gắn liền với 511,74m^2 đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 7D đã nhận định và quyết định: Chia cho bà P sở hữu ngôi nhà cấp 4, mái ngói, tường xây, nền xi măng, ô tơ 2,5m, diện tích 43,47m^2 và chái tôn 17,7m^2, 01 giếng nước gắn liền với diện tích đất sử dụng 341,16m^2; Chia cho bà X sử dụng 170,58m^2; Bà P có nghĩa vụ trích trả cho bà L 286.584.770 đồng; Diện tích 216,16m^2 đất cụ C đã cho bà T làm nhà ở từ năm 2003 thì bà X, bà L đã xác nhận và tại thời điểm cụ C còn sống không có ai khiếu nại tranh chấp gì nên diện tích đất này đã được trừ ra trong khối di sản của bà C trước khi chia nên bà T từ chối nhận kỷ phần thừa kế đối với khối di sản của cụ C để lại nên diện tích đất 216,16m^2 này thuộc quyền sử dụng của bà T.

{3}. Tại Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân số 4075/QĐ-UBND ngày 10/8/2010, Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi của hộ bà P 90m^2 đất nên diện tích đất hộ bà P còn lại là 251,16m^2 (341,16m^2 - 90m^2); ngày 22/10/2012 bà P tặng cho bà L diện tích đất này, sau đó, ngày 22/11/2012, bà L tặng cho lại Chị H. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định diện tích đất sử dụng thực tế của hộ Chị H là 195,1m^2; như vậy, diện tích đất thực tế Chị H sử dụng thiếu so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận là 56,1m^2 (251,2m^2 - 195,1m^2), nhưng Chị H chỉ yêu cầu vợ chồng bà T trả 16,67m^2 đất, điều này chứng minh Chị H cũng đã gián tiếp thừa nhận diện tích đất ghi trong ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*** số BN 521899 mà Chị H được cấp ngày 28/3/2014 là không chính xác.

{4}. Tại Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam lập ngày 01/12/2017, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, tỉnh Quảng Nam xác định:

{4.1}. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bà L chuyển cho Chị H thì Chi nhánh không cắm mốc, đo đạc lại mà chỉ ghi diện tích đất căn cứ quyết định của Bản án chia thừa kế và số liệu diện tích ghi tại các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà P với bà L, giữa bà L với Chị H. Diện tích đất Chị H sử dụng thực tế là 195,1m^2, thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 56,1m^2 nguyên nhân là do trước đây Hội đồng đo đạc, xem xét thẩm định của Tòa án khi chia thừa kế xác định hình thể thửa đất phức tạp, nhiều góc cạnh nên tính toán có sai số.

{4.2}. Tại Quyết định thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân số 4073/QĐ-UBND ngày 10/8/2010, Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi của hộ bà T 53m^2 đất

nên diện tích đất của bà T còn lại là (216,6m^2 - 53m^2)= 163,16m^2 (Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định là 167,7m^2). Như vậy, diện tích đất sử dụng thực tế của hộ bà T thừa so với diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà T được cấp là 4,54m^2 (167,7m^2 - 163,16m^2); chênh lệch thừa này là sai số cho phép khi đo đạc.

Với các luận điểm từ {1} đến {4} nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy đủ cơ sở xác định năm 2010 khi xây dựng nhà mới thì vợ chồng bà T, ông T xây trên móng nhà đã xây dựng từ năm 2003 (lúc cụ Bùi Thị C còn sống); do đó, Chị H khởi kiện cho rằng vợ chồng ông T, bà T khi xây nhà lại đã lấn chiếm qua diện tích đất của vợ chồng Chị diện tích 16,67m^2 là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H là có căn cứ, đúng pháp luật, cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm, vợ chồng Chị H, Anh T1 kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 100, Điều 166, điểm i khoản 1 Điều 169, khoản 1 và 2 Điều 170, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Thanh T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H: Yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Trần Thị T và ông Phan Tùng T trả lại toàn bộ diện tích 16,67m^2 đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 7D, loại đất ở tại khối 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam mà vợ chồng bà T, ông T đã lấn chiếm của bà với giá trị là 7.000.000 đồng/m^2 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 726683 do UBND huyện N cấp cho bà Trần Thị T ngày 09/9/2014.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 9.302.000 đồng, Chị H đã nộp đủ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ vào tổng số tiền 4.200.000 đồng Chị H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm {ngày 26/10/2016 Chị H nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0001097 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N; ngày 04/12/2017 Chị H nộp 4.000.000 đồng theo

Biên lai thu số 0000083 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam} thì Chị H được hoàn trả số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm ngàn đồng).

2. Về án phí phúc thẩm: Chị H, Anh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng; Chị H, Anh T1 đã nộp đủ tại Biên lai thu số 0000104 ngày 05/02/2018 và Biên lai thu số 0000105 ngày 26/02/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân